

Số: /GPMT-STN&MT

Hà Nam, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 28/9/2022 của UBND tỉnh Hà Nam về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 30/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo ĐTM, phương án CTPHMT, cấp giấy phép môi trường đối với dự án thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 16-07/CV-LD ngày 16/7/2024 của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển và xây dựng Thăng Long - Đại diện Liên danh nhà đầu tư Công ty Cổ phần đầu tư phát triển và xây dựng Thăng Long, Công ty TNHH Kim Thành và Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng số 6 về việc chỉnh sửa, bổ sung nội dung của báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở đô thị tại lô đất 1.3.DT10 theo quy hoạch chung xây dựng đô thị Duy Tiên đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Liên danh nhà đầu tư Công ty Cổ phần đầu tư phát triển và xây dựng Thăng Long, Công ty TNHH Kim Thành và Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng số 6 - Đại diện liên danh nhà đầu tư: Công ty Cổ phần đầu tư phát triển và xây dựng Thăng Long, địa chỉ trụ sở chính: Khu đô thị mới Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở đô thị tại lô đất 1.3.DT10 theo quy hoạch chung xây dựng đô thị Duy Tiên đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở đô thị tại lô đất 1.3.DT10 theo quy hoạch chung xây dựng đô thị Duy Tiên đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường Tiên Nội, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0700257032, đăng ký lần đầu ngày 28/01/2008, đăng ký thay đổi lần 10 ngày 29/11/2022.

Nơi cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam.

1.4. Mã số thuế: 0700257032.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đô thị.

1.6. Phạm vi, quy mô của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật bảo vệ môi trường, Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

- Tổng diện tích của dự án khoảng 54.373,2m², quy mô dân số khoảng 850 người.

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Liên danh nhà đầu tư Công ty Cổ phần đầu tư phát triển và xây dựng Thăng Long, Công ty TNHH Kim Thành và Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng số 6 có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm kể từ ngày ký.

(Từ ngày tháng năm 2024 đến ngày tháng năm 2034).

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (*để b/c*);
- UBND thị xã Duy Tiên;
- Liên danh nhà đầu tư Công ty CP ĐTPT và XD Thăng Long, Công ty TNHH Kim Thành và Công ty CP ĐT và XD số 6 (*để t/h*);
- TT TTDL&PTQĐ (*đăng web*);
- Lưu: VT, MT, HS.

GIÁM ĐỐC

Phạm Chí Thống

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT
ngày tháng 7 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ hoạt động của các hộ dân.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

- Theo hiện trạng: Kênh tiêu hoàn trả phía Đông Bắc dự án đoạn chảy qua Tổ dân phố Hòa Trung, phường Tiên Nội, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

- Theo quy hoạch: Đầu nối vào trạm xử lý nước thải tập trung phía Đông Bắc dự án (theo Quyết định số 1385/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh Hà Nam phê duyệt quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 phường Tiên Nội, thị xã Duy Tiên).

2.2. Vị trí xả nước thải

- Theo hiện trạng: Tọa độ vị trí xả nước thải (Hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 105^0 , múi chiếu 3^0) như sau: X(m) = 2280764,02; Y(m) = 597264,52.

- Theo quy hoạch: Tại vị trí xả thải trước khi đầu nối vào trạm xử lý nước thải tập trung phía Đông Bắc dự án. Tọa độ vị trí xả nước thải (Hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 105^0 , múi chiếu 3^0) như sau: X(m) = 2280764,02; Y(m) = 597264,52 (Tại vị trí xả thải theo hiện trạng).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 25 m³/ngày đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy (Nước thải sau xử lý được đầu nối ra hố thu nước sau xử lý bằng đường ống PVC D110 dài 5m. Nước thải từ hố thu nước sau xử lý được đầu nối ra điểm xả thải bằng đường ống HDPE D300 dài 23m).

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và đạt quy chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (cột A, k=1), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giới hạn tối đa cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5 - 9		
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	30		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500		
5	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1		

6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	30		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	6		
11	Tổng Coliforms	MPN/ 100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Hệ thống thu gom nước thải được thiết kế riêng biệt với hệ thống thu gom nước mưa.

** Phương án thu gom nước thải theo hiện trạng:*

- Nước thải từ nguồn phát sinh được xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại, sau đó được thu gom bằng hệ thống đường ống HDPE D300 (dài 1.929m) về hố thu gom nước thải. Nước thải từ hố thu gom nước thải được thu gom bằng ống PVC D60 dài 22m về trạm xử lý nước thải công suất 25m³/ngày đêm (modul 1) trước khi xả ra kênh tiêu hoàn trả phía Đông Bắc dự án đoạn chảy qua tổ dân phố Hòa Trung, phường Tiên Nội, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

- Trường hợp phát sinh nước thải của dự án vượt 25 m³/ngày đêm (vượt công suất trạm xử lý nước thải của modul 1: 25m³/ngày đêm), chủ dự án phải xây dựng các modul xử lý nước thải tiếp theo để xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của dự án đảm bảo đạt quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường tiếp nhận khi trạm xử lý tập trung của khu vực chưa được xây dựng, hoạt động. Thực hiện đấu nối vào hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung theo quy hoạch phân khu theo Quyết định số 1385/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 phường Tiên Nội, thị xã Duy Tiên khi hạ tầng trạm xử lý nước thải tập trung của khu vực được xây dựng hoàn thiện.

** Phương án thu gom nước thải theo quy hoạch:*

- Theo Quyết định số 1385/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 phường Tiên Nội, thị xã Duy Tiên, nước thải sinh hoạt phát sinh được xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại được thu gom bằng hệ thống đường ống HDPE D300 đưa về trạm xử lý nước thải tập trung phía Đông Bắc Dự án để xử lý trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Khi hạ tầng khu vực trạm xử lý nước thải tập trung được xây dựng hoàn thiện theo quy hoạch thì hệ thống xử lý nước thải công suất xử lý 25 m³/ngày đêm (modul 1) sẽ di chuyển ra khỏi khu vực dự án. Chủ dự án phải thực hiện đấu nối

nước thải vào hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung theo Quy hoạch phân khu phường Tiên Nội, thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt từ khu nhà ở của các hộ dân → Hồ thu gom nước thải → Ngăn điều hòa → Ngăn thiếu khí → Ngăn hiếu khí 1 → Ngăn hiếu khí 2 → Ngăn khử trùng (nước thải đạt QCVN 14:2008/BTNMT- cột A, k=1) → Xả ra môi trường.

- Công suất thiết kế: 25m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: Viên nén khử trùng TCCA 28 kg/năm; PAC 11.406 lít/năm; Cơ chất 24 lít/năm. (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này).

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

* Phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- Trang thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý như máy bơm, bơm định lượng.
- Thường xuyên kiểm tra để phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố như: tắc vỡ đường ống, rò rỉ bể xử lý, hỏng bơm và các thiết bị xử lý.

- Có nhật ký vận hành của hệ thống để kịp thời phát hiện nguyên nhân khi xảy ra sự cố. Tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho trạm xử lý nước thải.

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, nước thải sẽ được lưu giữ, luân chuyển trong các bể của hệ thống xử lý nước thải. Trường hợp thời gian khắc phục sự cố kéo dài chủ dự án sẽ thuê đơn vị có năng lực đến thu gom nước thải mang đi xử lý theo quy định.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng (Dự kiến từ tháng 01 năm 2028 đến hết tháng 06 năm 2028) hoặc theo thực tế lấp đầy khu đô thị.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Trạm xử lý nước thải tập trung công suất 25m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- Nước thải sinh hoạt trước hệ thống xử lý (tại hồ thu gom nước thải). Tọa độ vị trí lấy mẫu nước thải trước xử lý (Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰, múi chiếu 3⁰) như sau: X(m) =2280754; Y(m) = 597224.

- Nước thải sinh hoạt sau hệ thống xử lý tại hồ thu nước sau xử lý. Tọa độ vị trí lấy mẫu nước thải sau xử lý (Hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến trực 105⁰, múi chiếu 3⁰) như sau: X(m) =2280757; Y(m) =597241.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm trong nước thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý

nước thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.3.3 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Trường hợp xả thải vào công trình thủy lợi nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước trong công trình thủy lợi, chủ dự án phải báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng quản lý công trình thủy lợi.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

3.6. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT
ngày tháng 7 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Hoạt động của các máy bơm, máy thổi khí ở trạm xử lý nước thải công suất 25 m³/ngày.đêm.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung có tọa độ (Hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trục 105⁰, múi chiếu 3⁰) như sau: X(m)=2280756; Y(m) =597240.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Thời gian trong ngày và mức ồn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Áp dụng thường xuyên, liên tục các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung tại dự án.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT
ngày tháng 7 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Dự án đi vào hoạt động, khối lượng các loại CTNH phát sinh như sau:

TT	Tên chất thải nguy hại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Giẻ lau dính dầu	18 02 01	20
2	Các loại dầu mỡ thải	16 01 08	50
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải	16 01 13	30
4	Chất tẩy rửa thải	16 01 10	20
5	Vỏ bao bì chứa hóa chất thuốc BVTV và diệt trừ các loài gây hại.	14 01 08	15
6	Pin, ác quy chì thải	19 06 01	20
7	Bao bì nhựa thải	18 01 03	20
	Tổng		175

1.2. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh

- Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải: Khối lượng phát sinh khoảng 137 kg/năm.

- Bùn phát sinh từ quá trình nạo vét bùn tại các hố ga thoát nước mưa và hố gom thoát nước thải: Khối lượng phát sinh khoảng 500 kg/lần nạo vét.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Chất thải sinh hoạt từ hoạt động của khu vực nhà ở khoảng 280 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Tại kho chất thải nguy hại.

2.1.2. Kho lưu chứa trong nhà:

- Diện tích kho: 10,5m² đảm bảo đúng quy cách.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho được dựng bằng khung sắt, vách quay tôn, mái vì kèo, lợp tôn, nền láng xi măng. Trong kho bố trí 7 thùng nhựa có nắp đậy, dung tích 120l để chứa riêng từng loại chất thải nguy hại, các thùng chứa CTNH đều được dán mã và nhãn cảnh báo từng loại CTNH tương ứng. Ngoài cửa kho có biển hiệu cảnh báo CTNH, kho bố trí bình phòng cháy chữa cháy, 1 thùng chứa cát và xèng.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Tại khu trung chuyển rác thải sinh hoạt

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 10,5m².
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Kho được dựng bằng khung sắt, vách quay tôn, mái vì kèo, lợp tôn, nền láng xi măng.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-STN&MT

ngày tháng 7 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy; thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Đảm bảo đủ diện tích cây xanh theo quy định.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình dự án đi vào hoạt động theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

7. Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với Giấy phép môi trường đã được cấp, chủ dự án phải có Văn bản báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường để được kiểm tra và hướng dẫn./.